

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	416.84 ↓	-20.44	-4.67%
KLGD (triệu ck)	70.06 ↑	28.56	68.82%
GTGD (tỷ đồng)	1,235.25 ↑	477.33	62.98%
Tổng cung (triệu ck)	53.63 ↓	-78.76	-59.49%
Tổng cầu (triệu ck)	64.04 ↓	-75.23	-54.02%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	7.94 ↑	5.54	230.53%
KL bán (triệu ck)	2.90 ↑	2.12	273.76%
Giá trị mua (tỷ đồng)	317.03 ↑	246.42	348.98%
Giá trị bán (tỷ đồng)	184.55 ↑	162.72	745.34%

Các ngưỡng kĩ thuật đáng chú ý

Chỉ tiêu	Giá trị (điểm)	Đánh giá
Kháng cự 1	430	Mạnh
Kháng cự 2	440	TB
Kháng cự 3	460	Mạnh
Hỗ trợ 1	405	Yếu
Hỗ trợ 2	393	Mạnh
Hỗ trợ 3	332	Rất mạnh

Nhận định thị trường:



Các tin đáng chú ý :

- CPI tháng 8 tại Hà Nội tăng 0,57% so với tháng trước.
- CPI tháng 8 tại TPHCM tăng tới 0,66% so với tháng trước.
- Theo dữ liệu của Reuters, trong phiên giao dịch thứ 250 (21/8), Ngân hàng Nhà nước đã bơm ra 5.000 tỷ đồng, kỳ hạn 7 ngày, với lãi suất 8,8%/năm trên thị trường mở (OMO).

Công Ty CPCK Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

Nhận định thị trường:

Sự sụt giảm rất mạnh trên cả hai sàn chứng khoán trong phiên hôm nay đã tạo thành cây nến đen “Black Mazuboru”, kèm theo khối lượng giao dịch tăng vọt đột biến tạo thành tín hiệu của một phiên break down phá vỡ trạng thái hiện hữu. Như vậy, VN-Index đã đảo chiều giảm tại vùng kháng cự 430 – 440 điểm, còn HNX-Index cũng giảm mạnh khi tới gần kháng cự 72 điểm. Tín hiệu kĩ thuật cho thấy khả năng giảm trong ngắn hạn của thị trường là tương đối rõ nét. Trong ngắn hạn, nếu như thị trường xuất hiện đợt phục hồi nhẹ, NĐT nên tận dụng thời cơ để giảm tỷ lệ cổ phiếu trong danh mục, ưu tiên nắm giữ tiền mặt và chờ đợi thị trường kiểm chứng các hỗ trợ mạnh (như ngưỡng 65 điểm của HNX-Index).

HNX:**Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	66.95 ↓	-3.70	-5.24%
KLGD (triệu ck)	54.93 ↑	22.84	71.17%
GTGD (tỷ đồng)	527.78 ↑	219.71	71.31%
Tổng cung (triệu ck)	95.89 ↑	41.55	76.45%
Tổng cầu (triệu ck)	52.39 ↑	4.51	9.43%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.11 ↑	0.88	385.72%
KL bán (triệu ck)	0.93 ↑	0.55	144.10%
Giá trị mua (tỷ đồng)	14.84 ↑	11.48	342.06%
Giá trị bán (tỷ đồng)	13.40 ↑	8.61	179.58%

Nhận định thị trường:

Đồ thị HNX-Index.

Các ngưỡng kỹ thuật đáng chú ý

Chỉ tiêu	Giá trị (điểm)	Đánh giá
Kháng cự 1	68	Yếu
Kháng cự 2	72	Mạnh
Kháng cự 3	85	Rất mạnh
Hỗ trợ 1	65	Mạnh
Hỗ trợ 2	60	Mạnh
Hỗ trợ 3	54.5	Rất mạnh

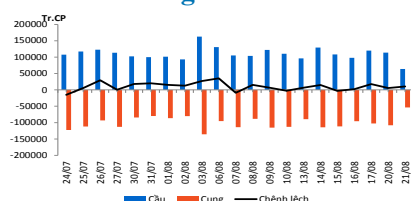
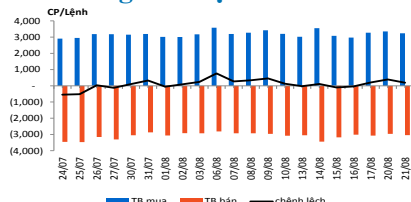
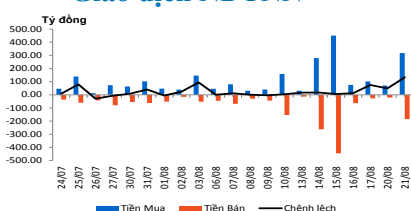
Nhận định diễn biến sàn Hà Nội:

Hầu hết các cổ phiếu trên sàn HNX đều giảm sàn, và nhiều cổ phiếu thậm chí còn dư bán giá sàn với khối lượng khá lớn vào cuối phiên. Diễn biến này khiến chỉ số HNX-Index giảm mạnh kỉ lục, tạo thành cây nến đen Black Mazuboru kèm theo KLGD tăng đột biến tới hơn 51,1 triệu đơn vị. KLGD tăng trong phiên này chủ yếu thể hiện áp lực bán tăng mạnh đột ngột, và cũng là tín hiệu xác nhận break down trạng thái hiện hữu của HNX-Index, theo đó mô hình tam giác trung gian xu thế giảm đã trở thành hiện thực (do HNX-Index giảm mạnh phiên xác nhận phá vỡ mô hình).

Tín hiệu kỹ thuật cho thấy khả năng tiếp tục giảm của HNX-Index trong ngắn hạn là khá rõ rệt. Tuy nhiên do mức độ giảm quá mạnh trong phiên hôm nay, HNX-Index cũng đã tiến gần tới ngưỡng hỗ trợ mạnh tại 65 điểm. NĐT nên tận dụng các đợt phục hồi nhẹ để giảm tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trong danh mục, ưu tiên giữ tiền mặt và chờ đợi tín hiệu mới khi HNX-Index kiểm chứng ngưỡng hỗ trợ 65 điểm.

Các chỉ tiêu thanh khoản

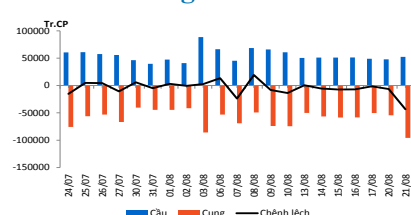
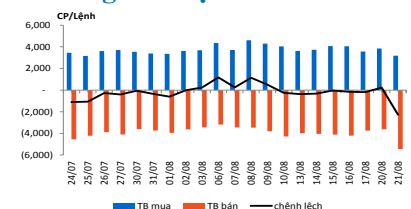
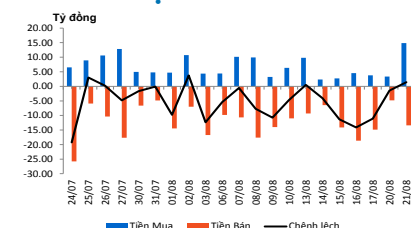
KLGD Khớp lệnh	Giá trị (cổ phiếu/phiên)
Bình quân 10 phiên	51,118,400
Bình quân 25 phiên	33,405,340
Cao nhất trong 6 tháng	111,859,504
Thấp nhất trong 6 tháng	18,768,100
Phiên gần nhất	51,118,400

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Mở cửa phiên giao dịch tại sàn HOSE, những mã chủ chốt cũng đảo chiều, riêng MSN giữ được mức tăng nhẹ, VCB đứng mốc tham chiếu. Kết quả là VN-Index tiếp tục giảm mạnh 12.36 điểm, tương ứng -2.83 % xuống 424.52 điểm.

Phiên buổi sáng, VN-Index mất đến 20.73 điểm, tương đương 4.74% lùi về 416.56 điểm. Chứng khoán, ngân hàng, khai khoáng, bất động sản, xây dựng vẫn là những ngành có cổ phiếu giảm giá nhiều và mạnh nhất thị trường. Nhà đầu tư nước ngoài tận dụng cơ hội gom vào nhiều mã cổ phiếu tốt với khối lượng hơn 5.31 triệu đơn vị tại HOSE, với các mã chủ yếu gồm MBB, DPM, HSG, PVD, DRC, OGC, VSH, IJC, VCB... Thanh khoản tăng khá mạnh so với các phiên trước đó khi đạt gần 65 triệu đơn vị cổ phiếu, tương đương gần 900 tỷ đồng.

Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm mạnh 20.44 điểm (4.67%) kết ở 416.84. Thanh khoản đạt 1235 tỷ đồng với khối lượng giao dịch hơn 70 triệu cổ phiếu, tăng không đáng kể so với phiên giao dịch buổi sáng do thị trường vẫn thuộc về bên bán, lượng mua vào chỉ mang tính nhỏ giọt.

HNX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Sàn HNX cũng giảm điểm do ảnh hưởng từ mã ACB, những cổ phiếu trụ cột cũng không giữ được sắc xanh ở cuối phiên trước. Khoảng 10 phút sau khi mở cửa, HNX-index mất 1.68 điểm, tương ứng 2.38% xuống 68.97 điểm. Đà suy giảm vẫn còn tiếp tục.

Khoảng 10h15, tại sàn HNX, chỉ số HNX-index sụt giảm gần 5%, khi mất 3.49 điểm xuống 67.16 điểm. Thị trường có 210 mã giảm giá, với 124 mã giảm sàn, giao dịch đạt hơn 42 triệu đơn vị, tương đương 396 tỷ đồng. Các cổ phiếu VND, KLS, PVX, SCR, SHB, SHS, PVS, VCG đặc biệt là ACB giảm kịch sàn mà không có gì đỡ nổi. Kết phiên sáng, HNX-Index giảm sâu 3.71 điểm, tương đương 5.32% lùi về 66.89 điểm.

Cuối phiên, HNX-Index giảm 3.70 điểm (5.24%) về 66.95 điểm. Thanh khoản toàn sàn đạt 51,11 triệu đơn vị, tăng mạnh so với những phiên gần đây nhưng chủ yếu là do bên bán giá thấp tăng áp lực, giá trị giao dịch đạt 469 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện



Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	787.89	↓42.46	↓-5.11
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	692.62	↓34.74	↓-4.78
PVN ALLSHARE	674.03	↓33.58	↓-4.75
PVN ALLSHARE HNX	543.32	↓30.62	↓-5.33
PVN ALLSHARE HSX	731.26	↓36.11	↓-4.71
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1115.94	↓49.28	↓-4.23
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	816.9	↓42.25	↓-4.92
PVN Tài Chính	581.84	↓25.41	↓-4.18
PVN Công Nghiệp	450.31	↓25.3	↓-5.32
PVN Dầu Khí	645.86	↓33.27	↓-4.9
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	820.88	↓43.42	↓-5.02

Chỉ số Ngành



Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
 - PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
 - PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp
 - PVN Dầu Khí
 - PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, theo diễn biến chung toàn thị trường, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX chỉ có duy nhất mã PPE đứng giá tham chiếu do không có giao dịch, 27 mã còn lại đều giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm tới 5,06% và tổng khối lượng giao dịch đạt 15,814 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 21/08:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,200.0	100	↓ -5.45	0.46	14.05	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	2,900.0	22,600	↓ -6.45	0.28	26.36	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	4,100.0	102,500	↓ -6.82	0.24	0.40	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	19,400.0	789,200	↓ -6.73	1.59	1.29	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	8,500.0	102,100	↓ -6.59	0.79	5.38	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,000.0	-	→ 0.00	0.46	2.76	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,700.0	280,300	↓ -6.00	0.46	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	14,100.0	239,700	↓ -6.62	0.84	2.11	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	9,900.0	73,700	↓ -6.60	1.73	4.52	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,700.0	661,100	↓ -6.96	0.69	7.70	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,200.0	98,300	↓ -1.82	0.69	8.18	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	4,900.0	3,100	↓ -5.77	0.47	2.30	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	14,700.0	2,830,850	↓ -6.37	1.24	3.93	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7,900.0	3,929,250	↓ -5.95	0.35	2.97	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	39,900.0	778,620	↓ -4.77	3.22	12.79	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	38,500.0	2,038,740	↓ -4.23	2.30	6.22	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	27,400.0	90,210	↓ -4.86	1.26	3.33	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	6,900.0	38,240	↓ -4.17	0.59	5.04	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,600.0	239,060	↓ -4.92	0.66	2.86	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	41,800.0	256,710	↓ -5.00	2.04	5.90	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,100.0	257,180	↓ -4.65	0.40	3.18	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	35,200.0	586,930	↓ -4.86	1.19	6.92	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	11,700.0	1,527,510	↓ -4.88	1.03	14.81	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,000.0	627,980	↓ -3.85	0.51	45.45	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	5,900.0	45,520	↓ -4.84	0.57	3.93	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4,400.0	98,030	↓ -4.35	0.40	2.29	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,400.0	83,880	↓ -4.59	0.79	3.12	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,300.0	13,450	↓ -3.64	0.49	3.49	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
DPM	40,200	38,500	-4.23	78,269,155
SSI	21,300	20,300	-4.69	50,127,482
MBB	14,900	14,200	-4.70	46,248,664
CSM	27,800	26,500	-4.68	39,881,799
HAG	30,400	28,900	-4.93	34,446,197

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	11,500	10,700	-6.96	64,012
KLS	10,400	9,700	-6.73	45,249
PVS	15,700	14,700	-6.37	41,952
PVX	8,400	7,900	-5.95	31,431
SCR	9,300	8,700	-6.45	29,192

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
PDN	22,300	23,300	1,000	4.48
BTP	6,700	7,000	300	4.48
SVI	22,900	23,900	1,000	4.37
HDC	16,100	16,800	700	4.35
FDG	11,000	11,400	400	3.64

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VBC	17,200	18,400	1,200	6.98
V21	8,600	9,200	600	6.98
BTH	5,800	6,200	400	6.90
KMT	5,800	6,200	400	6.90
CTB	14,800	15,800	1,000	6.76

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,700	1,600	-100	-5.88
VES	1,900	1,800	-100	-5.26
HAI	20,000	19,000	-1,000	-5.00
TRA	80,000	76,000	-4,000	-5.00
UIC	10,000	9,500	-500	-5.00

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
LCS	10,000	9,300	-700	-7.00
MKV	10,000	9,300	-700	-7.00
PXA	4,300	4,000	-300	-6.98
TNG	8,600	8,000	-600	-6.98
SDD	4,300	4,000	-300	-6.98

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DHG	81,390	DHG	81,475
VNM	53,418	VNM	53,418
DPM	29,623	FPT	22,781
FPT	22,978	DPM	10,800
GAS	19,134	KDC	3,334

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	3,140	PVS	5,188
LAS	1,527	PGS	1,768
VND	1,156	AAA	1,062
VCS	984	VCS	921
VNR	858	VNR	871

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339